TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ T** **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **24/**2021/HNGĐ-ST
Ngày: 25-01-2021
V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T, TỈNH TUYÊN QUANG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**
Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông Trần Anh Tuấn.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Lý Thuý Hà.
2. Bà Lê Thị Thảo.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Dung - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Ông Vũ Khánh Đại - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Tuyên Quang, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 176/2020/TLST-HNGĐ, ngày 29 tháng 6 năm 2020, về *Tranh chấp hôn nhân và gia đình* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2020/QĐST-HNGĐ ngày 21 tháng 12 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **HOÀNG THỊ T**, sinh năm 1987;
Địa chỉ: Thôn 11, xã L, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang.
(chị Tcó đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt)

2. Bị đơn: Anh **VŨ ĐỨC H**, sinh năm 1983;
Địa chỉ: Tổ 1, phường M, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang.
(anh H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện; Biên bản tự khai có lưu trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị HOÀNG THỊ T trình bày: Tôi và anh VŨ ĐỨC H được tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã P, huyện Y (nay là phường M, thành phố T), tỉnh Tuyên Quang vào ngày 17 tháng 11 năm 2011. Tôi và anh H được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục của địa phương. Quá trình chung sống vợ chồng thời gian đầu hạnh phúc, đến khoảng năm 2015 vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Đến tháng 3 năm 2020 do mâu thuẫn vợ chồng căng thẳng không thể cung nhau xây dựng hạnh phúc, nên vợ chồng sống ly thân.

Tôi xác định tình cảm vợ chồng đã hết, mâu thuẫn vợ chồng xảy ra trầm trọng kéo dài, nên tôi yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh VŨ ĐỨC H theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Tôi và anh H không có, nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về tài sản chung: Tôi và anh H tự thoả thuận chia cho nhau, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết khi ly hôn.

Về tài sản cho vay và tài sản vay nợ chung: Tôi và anh H không có, nên không yêu cầu giải quyết khi ly hôn.

Quá trình giải quyết vụ án, về chứng cứ chị Tcung cấp cho Tòa án:

- 01 (Một) bản gốc Trích lục kết hôn số: 39/TLKH-BS ngày 10/6/2020 của UBND phường M, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang, đối với chị HOÀNG THỊ T và anh VŨ ĐỨC H.

- 01 (Một) bản sao Giấy chứng minh nhân dân mang tên HOÀNG THỊ T.

- 01 (Một) bản sao Sổ hộ khẩu mang tên chủ hộ Hoàng Văn D.

Anh H không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì.

Tòa án nhân dân thành phố T xác minh tại địa phương nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của anh H được biết: Anh H và chị T là vợ chồng, anh H có hộ khẩu thường trú tại tổ 1, phường M, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang. Hiện nay anh H thi thoảng đi làm ăn xa, không có mặt ở địa phương, địa phương không biết hiện nay anh H đi đâu, làm gì. Đối với chị T là vợ của anh H hiện đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở xã L, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang. Anh H chị Thiện đang ly thân.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Tuyên Quang, thụ lý và giải quyết vụ án dân sự sơ thẩm về việc *Tranh chấp hôn nhân và gia đình* là đúng thẩm quyền, đúng nội dung tranh chấp. Tòa án xác định tư cách đương sự, và tiến hành các thủ tục tố tụng theo đúng trình tự của pháp luật quy định. Các phần tiến hành tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã được Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tiến hành theo đúng trình tự, đúng pháp luật tố tụng quy định; ý thức chấp hành pháp luật của nguyên đơn là chị Tđã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự; bị đơn là anh H chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, tỉnh Tuyên Quang, đề nghị Hội đồng xét xử:

- Căn cứ vào Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình. Điều 28; Điều 147; Điều 207; 228; Điều 235; 238; 266; 267; 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội về việc quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí của Toà án.

* Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị HOÀNG THỊ T được ly hôn với anh VŨ ĐỨC H.

- Về con chung chị Tvà anh H không có, nên không xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung đương sự không yêu cầu, nên không xem xét giải quyết.

- Về tài sản cho vay và tài sản vay nợ chung không có, nên không xem xét giải quyết.

- Chị Tphải chịu án phí dân sự ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Anh H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

- Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Chị HOÀNG THỊ T và anh VŨ ĐỨC H được tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã P, huyện Y (nay là phường M, thành phố T), tỉnh Tuyên Quang vào ngày 17 tháng 11 năm 2011. Chị Tvà anh H được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục của địa phương, nên đây là hôn nhân hợp pháp. Về tình cảm vợ chồng thời gian đầu chung sống hạnh phúc, đến khoảng năm 2015 vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Đến tháng 3 năm 2020 do mâu thuẫn căng thẳng không thể cùng nhau xây dựng hạnh phúc, nên vợ chồng sống ly thân. Căn cứ vào đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, xét thấy vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Tuyên Quang, theo quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy chị Tvà anh H có mâu thuẫn căng thẳng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, thực tế vợ chồng sống ly thân nhau từ tháng 3 năm 2020 đến nay, nên chấp nhận toàn bộ đơn và yêu cầu của chị Tlà được ly hôn với anh H theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung chị Tvà anh H không có, nên không xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

[4] Về tài sản chung đương sự không yêu cầu cầu giải, nên không xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

[5] Về tài sản cho vay và tài sản vay nợ chung không có, nên không xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

[6] Đối với anh H quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần, nhưng anh H đều vắng mặt không có lý do. Qua xác minh được biết hiện nay anh H đang ở cùng mẹ đẻ, nhưng mẹ đẻ của anh H và anh H không có mặt tại địa phường, anh H hiện ở đâu, làm gì địa phương không biết. Do vậy không lấy được ý kiến của anh H và anh H thuộc trường hợp cố tình che giấu địa chỉ, nên Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Tuyên Quang, giải quyết việc chị Txin ly hôn với anh H theo quy định của pháp luật.

[7] Về án phí: Chị Tphải chịu toàn bộ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội về việc quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí của Toà án.

Anh H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[8] Nguyên đơn là chị Tcó đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn là anh H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do, nên xét xử vắng mặt chị Tvà anh H theo Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự quy định.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình. Khoản 1 Điều 28; khoản 4 Điều 147; Điều 207; 228; khoản 1 Điều 235; 238; 266; 267; 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội về việc quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí của Toà án.

**** Tuyên xử*:**

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Chị HOÀNG THỊ T được ly hôn với anh VŨ ĐỨC H.

2. *Về án phí*: - Chị HOÀNG THỊ T phải chịu tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000475 ngày 29 tháng 6 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Tuyên Quang. Chị HOÀNG THỊ T đã nộp đủ tiền án phí.

- Anh VŨ ĐỨC H không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. *Về quyền kháng cáo*: Chị HOÀNG THỊ T và anh VŨ ĐỨC H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND TP. Tuyên Quang;
- Chi cục THADS TP. Tuyên Quang;
- UBND P. Mỹ Lâm (nơi ĐKKH);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu TAND TP. Tuyên Quang.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Anh Tuấn